

Bản án số: 210/2024/HS-ST
Ngày 30 - 09 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Bùi Đức Khoa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 169/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn L, sinh năm 2004, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H (đã chết) và bà Bùi Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/5/2024. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 2002, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị L; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 121/2019/HS-ST ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 30 tháng tù giam về tội cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/5/2024. Có mặt.

3. Đinh Chính H, sinh năm 2002, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn:

12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Chính H và bà Đinh Thị D; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2024. Có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 2000; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; Vắng mặt.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Nguyễn Khánh H, sinh năm 2003; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1997; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; Vắng mặt.

+ Anh Trần Đình H, sinh năm 2000; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; Vắng mặt.

+ Anh Vũ Văn C, sinh năm 2000; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; Vắng mặt.

+ Anh Đinh Khắc H, sinh năm 1990; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 29/10/2023, tại quán Hồng Bia của anh Đinh Khắc Hồng, sinh năm 1990, ở thôn 6, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng có hai nhóm tổ chức ăn uống như sau:

Nhóm thứ nhất gồm có: Nguyễn Văn T; Vũ Văn L; Đinh Chính H; Vũ Đình Văn, sinh năm 2004, nơi cư trú: thôn 1, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên; Đinh Khắc Kiên, sinh năm 2002; Đinh Chiến Hào, sinh năm 2003, cùng trú tại: thôn Đường Trường, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên.

Nhóm thứ hai gồm có: Nguyễn Văn Chín, sinh năm 1997; Nguyễn Đức Hảo, sinh năm 2000, cùng trú tại: thôn Láng Cáp, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên; Trần Đình H, sinh năm 2000, nơi cư trú: thôn 7, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên; Vũ Văn Cương, sinh năm 2000, nơi cư trú: thôn Đường Trường, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên; Nguyễn Khánh Hải, sinh năm 2003, nơi cư trú: thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên; Đinh Văn Tuân, sinh năm 2000, nơi cư trú: thôn Láng Cáp, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên; Vũ Thị Thùy, sinh năm 2005; Vũ Văn Hải, sinh năm 2003, cùng trú tại: thôn 6, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên; Vũ Văn Quốc Duy, sinh năm 2003 và Vũ Văn Hoàng Phú, sinh năm 2005, cùng cư trú: thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, xuất phát từ mâu thuẫn trước đó giữa Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Chín nên T và Chín đã xảy ra cãi chửi và lao vào dùng chân tay đánh nhau. Thấy T và Chín đánh nhau thì Hảo, Cương, Đình H (bạn của Chín)

cũng xông vào đánh T để bênh Chín, trong đó Hảo rút dây thắt lưng có đầu bằng kim loại trên người đánh nhiều nhát vào người T, Cương và Đình H dùng tay chân đánh T. T cũng dùng chân tay đánh lại nhóm của Chín, dùng bát sứ trong quán đánh vào đầu Cương. Thấy T bị nhóm của Chín đánh, L và Đình Chính H (bạn của T) lao vào đánh nhóm Chín giúp cho T. Trong đó L dùng tay chân đánh Chín và dùng ghế nhựa trong quán đập về phía Chín thì Khánh Hải lao vào can ngăn nên bị trúng vào người, khiến Hải bị ngất. Hảo dùng thắt lưng đánh L, L đã lấy 01 cốc thủy tinh trong quán ném trúng mặt Hảo, khiến Hảo ngã xuống đất, L tiếp tục dùng chân đập vào mặt Hảo thì được mọi người can ngăn. Trong lúc đó, Chính H dùng chân tay đánh nhau với nhóm của Chín, ôm vật ngã Chín rồi dùng chân tay đâm đá vào người Chín, dùng bát sứ đánh vào đầu Trần Đình H. Hậu quả: Hảo, Khánh Hải, Chín, Đình H, Cương và T bị thương tích được đưa đi cấp cứu và điều trị.

Tại bản Kết luận giám định số 975/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y Hải Phòng đối với thương tích trên cơ thể Nguyễn Đức Hảo: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Đức Hảo tại thời điểm giám định là 25%, trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương môi trên bên phải gây nên là: 03%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương trán cung mày trái gây nên là: 03%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do gãy thân răng hàm nhỏ răng R4.3 gây nên là 1,5%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương tụ máu ngoài màng cứng đã điều trị không có di chứng thần kinh, không còn hình ảnh tổn thương trên phim chụp CT sọ não gây nên là: 05%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương vỡ xương thái dương đỉnh trái dài 4,5 cm diện não đồ không thấy bất thường gây nên là: 15%. Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên.

Tại bản Kết luận giám định số 976/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y Hải Phòng đối với thương tích trên cơ thể Nguyễn Văn Chín: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương vùng đỉnh đầu gây nên tại thời điểm giám định là 01%. Thương tích trên có đặc điểm do vật tày có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên.

Tại bản Kết luận giám định số 08/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y Hải Phòng đối với thương tích trên cơ thể Vũ Văn Cương: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương đỉnh đầu trái gây nên tại thời điểm giám định là 02%. Thương tích trên có đặc điểm do vật có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên.

Tại bản Kết luận giám định số 07/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y Hải Phòng đối với thương tích trên cơ thể Trần Đình H: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương đỉnh đầu gây nên tại thời điểm giám định là 01%. Thương tích trên có đặc điểm do vật có góc cạnh cứng có thể sắc hoặc tương đối sắc tác động trực tiếp gây nên.

Tại bản Kết luận giám định số 09/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y Hải Phòng đối với thương tích trên cơ thể

Nguyễn Khánh Hải: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do chấn động não gây nên qua hồ sơ là: 01%. Thương tích trên có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại bản Kết luận giám định số: 979/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y Hải Phòng đối với thương tích trên cơ thể Nguyễn Văn T: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương rách da vùng cằm phải gây nên tại thời điểm giám định là 01%. Bầm tím thành ngực trái đã khỏi, không còn dấu vết nên không đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên, quá trình xảy ra xô xát, L và H không bị thương tích gì, T không có yêu cầu đề nghị gì đối với thương tích của mình và có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với các đối tượng gây thương tích cho mình.

Người bị hại là anh Nguyễn Đức Hảo trình bày phù hợp nội dung nêu trên. Bị hại đã được các bị cáo bồi thường dân sự thỏa đáng nên không có yêu cầu bồi thường gì khác, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền L nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì khác. Anh Hồng là chủ quán bia trình bày thêm, thời gian xảy ra sự việc khoảng 23 giờ và sự việc diễn ra nhanh tại cửa quán và trong quán, tại thời điểm xảy ra, quán không còn khách nào khác ngoài hai nhóm trên nên không ảnh hưởng đến hàng xóm và những người dân xung quanh.

Tiến hành làm việc với chính quyền địa phương và những người dân sống xung quanh nơi xảy ra sự việc cung cấp không biết có sự việc đánh nhau xảy ra ngày 29/10/2023 tại quán Hồng bia.

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc dây thắt lưng, bát, đĩa, cốc, ghế các đối tượng sử dụng để đánh nhau, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về vấn đề dân sự: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra.

Tại Bản cáo trạng số 186/CT-VKSTN ngày 26 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố Vũ Văn L, Nguyễn Văn T, Đinh Chính H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo trong vụ án đồng phạm đã đề nghị:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 30 đến 36 tháng tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Vũ Văn L mức án từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách tương ứng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Đinh Chính H mức án từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách tương ứng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vấn đề dân sự: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo đều trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc KH nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, định khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, tài liệu khám nghiệm hiện trường cùng kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 29/10/2023, tại quán Hồng Bia của anh Đinh Khắc Hồng ở thôn 6, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Chín trước đó. Nguyễn Văn T, Vũ Văn L và Đinh Chính H đã cùng nhau dùng chân tay, cốc thủy tinh, bát sứ, ghế nhựa (hung khí nguy hiểm) trong quán đánh gây thương tích cho nhóm người của Chín cụ thể: Nguyễn Đức Hào bị tổn thương 25% sức khỏe, Vũ Văn Cương bị tổn thương 2% sức khỏe, Nguyễn Văn Chín, Trần Đình H và Nguyễn Khánh Hải mỗi người bị tổn thương 1% sức khỏe. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (với tình tiết định khung tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, xuất phát từ mâu thuẫn không lớn nhưng các bị cáo đã giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều có có ông nội tham gia cách mạng và được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về phân hóa: Đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, lượng hình đối với từng bị cáo. Do xuất phát mâu thuẫn từ trước giữa bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Chín nên tại quán Hồng Bia, T và Chín đã xảy ra cãi chửi và đánh nhau. Thấy T bị nhóm người của Chín đánh, các bị cáo Vũ Văn L và Đinh Chính H đã lao vào đánh nhóm bạn của Chín để bên T. Hành vi của các bị cáo là bộc phát, xảy ra tức thì, không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước nên các bị cáo đều đóng vai trò là người thực hành trong vụ án này. L dùng tay chân đánh Chín và dùng ghế nhựa trong quán đập về phía Chín thì Khánh Hải lao vào can ngăn nên bị trúng vào người, khiến Hải bị ngất. L đã lấy 01 cốc thủy tinh trong quán ném trúng mặt Nguyễn Đức Hảo, khiến Hảo ngã xuống đất và tiếp tục dùng chân đập vào mặt Hảo. Nguyễn Văn T dùng bát sứ trong quán đánh vào đầu Vũ Văn Cương và dùng tay chân đánh vào nhóm của Chín. Đinh Chính H dùng chân tay đấm đá vào người Chín, dùng bát sứ đánh vào đầu Trần Đình H. Vũ Văn L đã trực tiếp gây thương tích cho Nguyễn Văn Chín, Nguyễn Khánh Hải và Nguyễn Đức Hảo.

[4] Về hình phạt: Xuất phát mâu thuẫn từ trước giữa T và Chín mà nhóm người của Chín đã lao vào đánh T trước nên dẫn đến sự việc hai nhóm xảy ra đánh nhau gây thương tích nên trong vụ án này bị hại, những người liên quan cũng có lỗi một phần. Nguyễn Văn Chín, Trần Đình H, Vũ Văn Cương, Nguyễn Đức Hảo đã có hành vi dùng tay chân thất lưng gây thương tích cho bị cáo T nhưng T không đề nghị khởi tố. Cơ quan Công an đã ra quyết định xử phạt vi phạm hình chính đối với Chín, H, Cương, Hảo. Từ những phân tích nêu trên, hình phạt áp dụng đối với bị cáo L và bị cáo T là ngang nhau và cao hơn bị cáo H.

[4.1] Bị cáo Nguyễn Văn T đã có 01 tiền án về tội cố ý gây thương tích đã được xóa án tích, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo T là thấp, vì vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4.2] Bị cáo Vũ Văn L, Đinh Chính H phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự (nhân thân tốt), các bị cáo có việc làm, có nơi cư trú rõ ràng, được chính quyền địa phương xác nhận ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật. Trong vụ án này, bị hại và người có quyền L nghĩa vụ liên quan cũng có lỗi

một phần. Bị cáo Vũ Văn L, Đinh Chính H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự như cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong tại giai đoạn điều tra, bị hại và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc dây thắt lưng, bát, đĩa, cốc, ghế các đối tượng sử dụng để đánh nhau, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng không thu giữ được.

[7] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[8] Trong vụ án này Nguyễn Văn T bị Nguyễn Văn Chín, Trần Đình H, Vũ Văn Cương dùng chân tay, Nguyễn Đức Hảo dùng dây thắt lưng đánh gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 1%, T có đơn đề nghị không khởi tố đối với các đối tượng gây thương tích cho mình nên Công an huyện Thủy Nguyên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn Chín, Trần Đình H, Vũ Văn Cương và Nguyễn Đức Hảo là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt Nguyễn Văn T 30 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày từ bắt đi chấp hành án. Cấm bị cáo Nguyễn Văn T đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Vũ Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt Vũ Văn L 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban

nhân dân xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Đinh Chính H phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt Đinh Chính H 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Vũ Văn L, Đinh Chính H.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Vũ Văn L, Nguyễn Văn T, Đinh Chính H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền L, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại

và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền L cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền L của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền L cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)